

TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

- oOo -
Số : 256/XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

/)/gày 20 tháng 7 năm 1990

/// 7 IẤY XÁC NHẬN

Anh : LÊ VAN PHÁT . Sinh năm : 1954 .
Biệt lập : 7/1972 Số điện cơ : 276.632
Cấp bậc : Thiếu úy . Chức vụ : Thảo chương viên điện toán .
Sinh quán : Phan Thiết - Bình Thuận .
Hiện nay ở : 5A/9 Học Lạc . Phường 3. Thành phố Mỹ Tho. Tiền Giang
Là sĩ quan chế độ củ có ra trình diện học tập cải tạo tập trung
Ngày 28/6/1975 và được tha về ngày 23/9/1977 .
Theo số quyết định : 731/QĐ7 ký ngày 09/9/1977 Tư lệnh Đoàn 700
Thượng tá : Nguyễn Đình Hương đã ký và thuộc quyền quản lý của chính
quyền địa phương nơi cư ngụ . Quản chế 12 tháng .

SAO Y BẢN CHÂN!!
TP. MỸ THO ngày 17/7/1990 90
TL. USND TP. MỸ THO
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ V. PH. 03

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7
PH. TRƯỞNG PHÒNG



Trưởng Phòng Nguyễn Đình Hương

Đỗ Xuân Phước

CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
PHÒNG AN NINH ĐIỀU TRA
TRẠI 185

Số: 693/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 5 tháng 7 năm 1990

GIẤY RA TRẠI

Thi hành Quyết định tạm thời số 91 : ngày 5 tháng 7 năm 1990 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Họ và tên : Ge Văn Phát

Năm sinh : 1957 Tại : Phan Thiết, Bình Thuận

Sinh quán : _____

Trú quán : Xã Hòa Mỹ, Huyện Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Nghề nghiệp : _____

Bị bắt ngày : 2/6/90

Can tội : XCTP

Án phạt : 1 năm, theo Quyết định số : 495 ngày 2 tháng 7 năm
1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nay về cư trú tại : Đã về quê

Đương sự phải trình báo với chính quyền địa phương nơi cư trú.

PHÒNG AN NINH ĐIỀU TRA

Họ và tên chữ ký
người được cấp giấy

Ge Văn Phát

Blau' 755



Nguyễn Văn Hùng

Note: 'XCTP' means: Xuất Cảnh Trái Phép: To cross the ocean illegal.

DATE FEB 20, 1974

DEF/CC SYSTEM/300-GS JMS COROL
PROGRAMMERS TRAINING COURSE

(CLASS VI, FROM 09/19/73 TO 02/16/74)

PERCENTILES SCORED BY STUDENTS

STUDENT NO NAME	FROM	EXERCISE & QUIZ						AVERAGE TEST & EXAMINATION							AVERAGE WORKSHOP PROGRAMS							AVERAGE FINAL		OVERALL RATING					
		1	2	3	4	5	6	7	8	---	1	2	3	4	5	6	7	8	---	1	2	3	4		5	6	7	8	---
01 NGUYEN THI HUE	MLV	85	65	85			80		78.75	60	70	64	50	60	70		62.33	70	85	90	80	74	70		79.50		76	73.89 C	
02 LE VAN SAU	NP	100	100	100	85	90	100		94.16	100	85	100	90	84	95		92.33	100	95	100	92	94	92		95.66		98	95.03 A	
03 TRAN VAN LUAN	NP	50	90		55	55	100		94.00	95	95	96	90	92	70		88.00	100	100	100	88	70	70		88.00		85	88.75 A	
04 LE VAN DINH	MLR	85	80	95	55	95	95		89.16	85	70	80	75	94	100		87.33	70	95	100	100	100	100	100		95.00		98	92.37 B
05 PHAM THI MINH-HAI	MLV	100	100	90	55	70	90		90.83	95	75	92	75	60	70		77.83	80	85	95	80	76	70		81.00		82	82.91 C	
06 PHAM VAN TUAN	NP	90	85	55	100	50	100		93.33	80	100	38	85	60	70		80.50	85	95	90	70	70	80		81.66		78	83.37 C	
07 LE VAN PHAT	NP	95	95	95	100	57	100		97.00	90	30	94	95	75	95		88.16	100	95	95	97	92	96		95.83		97	94.49 P	
08 NGUYEN CUI THUONG	NP	95	100	100	55	50	100		96.66	95	90	100	95	98	90		94.66	100	100	90	92	82	100	100		94.85		92	94.54 P
09 DUONG KHAI LUAN	NP	50	95	100	100	100	100		97.50	80	100	94	57	98	95		94.00	100	100	95	92	90	90	100		95.28		96	95.69 A
10 NGUYEN MANH TOAN	NP	65	65	95	55	55	95		85.00	85	75	92	90	98	85		87.50	100	100	90	95	86	96		94.50		90	89.25 B	
11 TRUONG VAN AN	NP	100	95	100	55	100	100		98.33	95	95	100	90	98	100		96.33	100	100	100	100	100	98	100		99.71	100		98.59 A
12 DUCNG THI MY	MLR	85	70	80	50	70	90		80.83	70	65	85	75	60	70		70.83	90	85	90	78	70	70		80.50		72	76.04 C	
13 AU VINH	MLR	50	100	100	55	90	100		94.16	100	90	92	95	60	84		86.83	100	85	95	100	92	92		94.00		94	92.24 B	
CLASS AVERAGE									91.51								85.12								90.34		89	89.01	

A = OUTSTANDING
B = GOOD
C = MEETS REQUIREMENTS
* = NEEDS SPECIAL ATT.



USAID/Information Systems Center/
GVN/Computer Center

Director of Course

Nguyen Van Tuan

1 TRUONG VAN AN	NP	98.59 A
2 DUCNG KHAI LUAN	NP	95.69 A
3 LE VAN SAU	NP	95.03 A
4 NGUYEN CUI THUONG	NP	94.54 B
5 LE VAN PHAT	NP	94.49 B
6 LE VAN DINH	MLP	92.37 B
7 AU VINH	MLR	92.24 B
8 NGUYEN MANH TOAN	NP	90.25 B
9 TRAN VAN LUAN	NP	91.75 B
10 PHAM VAN TUAN	NP	83.37 C
11 PHAM THI MINH-HAI	MLV	82.91 C
12 DUCNG THI MY	MLP	76.04 C
13 NGUYEN THI HUE	MLV	73.89 C

Instructor

Pham Huy Thoi

Pham Huy Thoi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Số
N° 921/90-ĐC-TG
1

Họ tên TRẦN THỊ KIỀU OANH
Nom et prénoms

Ngày sinh 14.01.1958
Date de naissance

Nơi sinh Tiền Giang
Lieu de naissance

Chỗ ở Tiền Giang
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Kiêu

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

và hết hạn ngày 09 08 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Tiền Giang ngày 09 tháng 08 năm 1990

Fait à

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG

Trưởng phòng



Lê Quốc Bảo

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1 Lê Văn Xuân Anh	1987
2 Lê Văn Xuân Vinh	1987
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

BỊ CHỮ - NOTES

SÀO Y BẢN HÀNH
TP. MỸ THO, ngày 11 tháng 1 năm 90
TL-UGND TP. MỸ THO
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

95 921.XD
Cấp cho: Đàn Chì Diêu Anh
Công với: C2
Đến nước: Hợp Quốc Việt Nam
Quốc gia: Việt Nam
Trước ngày: 09 02 1991
Tiền Giang, ngày 11 tháng 01 năm 1990

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
Trưởng phòng



Ch. Trương Bảo
- 9 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 920/90PC-TG
1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên LÊ VĂN PHÁT

Nom et prénoms

Ngày sinh 10.02.1954

Date de naissance

Nơi sinh Châu Hải

Lieu de naissance

Chỗ ở Quảng Ngãi

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Levan Phat

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

và hết hạn ngày 09.08.1995
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Tiền Giang ngày 09 tháng 08 năm 1990
Fait à le

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
Trưởng phòng

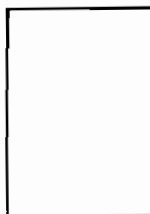


Chữ Quốc Bảo
-4-

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỦ — NOTES

SÁO Y BẮN CHÁNH
 TP. MỸ THO, ngày 18 tháng 8 năm 90
 TL-UBND TP. MỸ THO
 KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
 PHẠM VĂN PHÒNG

pháp

Đỗ Hữu Thiện

- 8 -

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 922 XC
 Cấp cho Lê Văn Phát
 Cùng với trẻ em
 Đến nước Hợp chúng Quốc Hoa Kỳ
 Qua cửa khẩu Cần Lửa nhất
 Trước ngày 09. 02. 1991
 Tiền Giang, ngày 09 tháng 08 năm 1990.

CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG
 Trưởng phòng

Quốc

Lê Quốc Bảo

- 9 -

BỘ NỘI VỤ
CA. TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Số : 09 / XC

GIẤY BẢO TIN

★
Kính gọi : Ông Lê Văn Phát 1954
Hiện ngụ : 54/9 M. Lạc F. 3 HT. B.
Chúng tôi đồng ý cho Ông cùng B.
người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước B. 195.
Chúng tôi đã chuyển hồ sơ và lên danh sách số 607 M.
ngày 10. 2. 90. chuyển về Bộ Nội vụ để trao cho Chính phủ nước B. 195.
xét nhập cảnh.
Về việc cấp hộ chiếu : Đã cấp H.C. S. 920/90 D.C. B.
→ 921/90 D.C. B.

Xin thông báo đề Ông rõ.

Tiền Giang, ngày 12 tháng 2 năm 1990.

TL/ GIÁM ĐỐC
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH


Phát
Lê Hoàng

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME Tran Nhung YOUR ALIEN STATUS IS:
 Other name you have used Tran Thi Cam Nhung U.S. CITIZEN ☐ Number: _____
 DATE OF BIRTH November 22, 1942 PERMANENT RESIDENT ☒ A# 25 313 264
 PLACE OF BIRTH My Tho, Viet Nam REFUGEE ☐ A# _____
 ADDRESS IN USA _____ DATE OF ENTRY INTO USA mo. day year
02 / 09 / 1982
 FROM WHICH COUNTRY? Thai Land.

TELEPHONE NO. (H) _____ (W) _____

VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW WORKING : INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE
90 E. Gish Road, Suite E + F
San Jose, CA. 95112

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) LE VAN PHAT
 Other name he/she used in Vietnam : _____
 ADDRESS IN VIETNAM 30/2 Ap Bac, Khu Vuc 5, Phuong 5, My Tho, Tien Giang, Viet Nam
 HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS. YES CATEGORY: CAT 1
 DATE AND PLACE OF FILING _____
 DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO X NUMBER(S)? _____
 I AM THE : HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐
 OTHER Aunt of PA' wife OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
 (Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
* 1. Le Van Phat	mo/da/yr 02/10/54	Binh Thuan VietNam	M	M	Principal Applicant	30/2 Ap Bac, Khu Vuc 5, Phuong 5, My Tho, Tien Giang, Viet Nam
2. Tran Thi Kieu Oanh	01/14/58	Dinh Tuong VietNam	F	M	Wife	
3. Le Tran Xuan Anh	11/10/87	Tien Giang VietNam	F	S	Daughter	"
4. Le Tran Xuan Vinh	11/24/89	Tien Giang VietNam	M	S	Son	"
5.	/ /					
6.	/ /					
7.	/ /					
8.	/ /					
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/ DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife	M/F			Yes/No		
B. Your other husbands/wives	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
E. Your brothers/sisters	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER ☐

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION : _____ LAST GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION : _____ PREVIOUS GRADE : _____

DURATION OF EMPLOYMENT : FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.

U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

	<u>DATE</u>	<u>SCHOOL</u>	<u>PLACE</u>
FROM _____	TO _____	_____	_____
FROM _____	TO _____	_____	_____

DESCRIBE : _____

V

PRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____
 JOB TITLE _____
 NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____
 SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____
 PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

VI

TRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

VII

VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON Le Van Phat ; Serial number : # 01044822
 MINISTRY OR MILITARY UNIT _____ TITLE OR RANK Lieutenant
 PLACE Saigon FROM 1969 TO 1975
 JOB DESCRIPTION _____
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT: _____

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES, _____
 PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIII

RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?
 YES ☒ NO ☐

NAME Le Van Phat DURATION from May, 1975 to Sept. 26, 1977
 NAME _____ DURATION from _____ to _____

IX

REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X

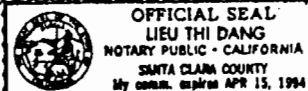
NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Shuan
 Signature of Applicant
hou Tu Da
 Signature of Notary

Subscribed and sworn to me
 this May day of 22, 1990

SEAL OF NOTARY



My commission expires: April 15, 1994

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

My-Tho town, 25th August 1990

TO: THE FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION.

----- 00 -----

Subject: REQUEST FOR IMMIGRATION TO THE USA under the HO
PROGRAM or the O.D.P.

Dear Sirs,

I undersigned : PHÁT - VAN - LÊ.

Date and Place of birth: 10th, Feb 1954 in Binh-Thuan province.

(Phan-Thiet town)

The Republic of V.N ID card: 01044822, granted-date: May 12, 1969.

Last Rank: National Police Second Lieutenant.

Office : NP Computer Center, National Police Command.

NP Computer Serial Number : 276632.

My commander was : Colonel DÂN - VAN - VŨ.

Current address: 5A/9, Hoc-Jac street, 3rd group, My-Tho, TIEN-GIANG

- From 10th September 1973 to 18th May 1974: I took the 6th program
Training Course at OPMCC by USAID organized.

- From May 1974 to December 1974: I was a programmer of NPIRSS
System. Two U.S NPIRSS system supervisors' name were: TOM BEAM,
HALL. In this time, I worked at GVN/Computer Center of USAID.

It located at n° 39, Le-Loi street, 1st district, SAIGON. The
name of Project Manager was: John W. Holmes.

- From December 1974 to 30th April 1975: My last position was
also the same one. My agency returned to NP Computer Center at
258 Vo-Tank street, 2nd district, SAIGON.

// Time spent in Re-education Camp: date from 28th June 1975 to
23rd September 1977. (2 years, 3 months).

and // Time that I was confined at the ' new economic ' area
(Tan-Nghia Village, Ham-Tan); date from 23rd September 1977 to
28th January 1980. (2 years, 4 months).

Recently, I escaped V.N by boat on the end of May. Unfortunately,
my boat ~~was~~^{been} pierced by storm and then public security seized all
boat-men. I was sentenced to a year's imprisonment. My wife
had to cost about one million piasters to redeem me.

On August 1984, I had mailed my record to ODP Office and ~~two~~
copies (the political prisoner registration form + intake form) to
F.O.V.P.P. Association on July 1990 ; but up to now there is no
response to my application.

Current occupation: I have been a worker of a private
rice-mill.

Now I am being guaranteed by the aunt of my wife (that is
Mrs. TRAN-NHUNG; her U.S permanent resident number is X A # 25 313
264)

And lately, I have been granted permission to emigrate
to U.S.A by the Government of the S.R of Vietnam.

Due to the difficulty of my family's situation as you
thoroughly realized, based on the authority of your organization
and the spirit of humanitarian act; I wish to request your
assistance and your submission to the U.S Government accept the
aspiration of my family. We long to immigrate to the U.S.A for
the purpose of seeking a new free life.

Your approval to help us through your humanitarian act will
be highly appreciated.

Respectfully yours

Phat-Van-Le
PHAT-VAN-LE

CỘNG-HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Phúc

--- 0 ---

ĐƠN XIN XÁC NHẬN THỜI GIAN HỌC TẬP CẢI-TẠO TẬP TRUNG
QUYẾT-ĐỊNH THỜI QUẢN-CHẾ TRẢ QUYỀN
CÔNG-DÂN.

----- /// -----

Đính-kèm : - BAN CÔNG-AN xã TÂN-NGHĨA, huyện HÀM-TÂN,
tỉnh THUẬN-HẢI

Tôi ký tên dưới đây là LÊ-VĂN-PHÁT, sinh ngày 10-02-1954
tại Phan-Thiết, chứng minh nhân dân số 260415817 cấp ngày
11-11-1980 do CÔNG-AN THUẬN-HẢI; nguyên quán ở 93c Võ-di-Nguy,
quận Phú-Nhuận, thành-phố Hồ chí Minh ; Đính trình BAN CÔNG-
AN XÃ TÂN-NGHĨA xác nhận sự việc: nguyên tôi trước 30-4-1975
là thiếu-úy cảnh-sát chế độ cũ, phân hành thảo-chương-viên
máy tính điện tử thuộc TRUNG-TÂM ĐIỆN-TOÁN BỘ TƯ LỆNH Cảnh-Sát;
đi học tập cải tạo tập trung đến ngày 23-9-1977 được thả về
địa phương lao động sản xuất tại Thôn 2 Sông Phan, xã Tân-
Nghĩa, Hàm-Tân, tỉnh Thuận-Hải; thảo Quyết-Định số 731/QĐ7 của
BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 700 ngày 23-9-1977; bị quản chế đến ngày
28-01-1980 xả chế, trả quyền công dân theo Quyết-Định số
27/QĐ/UB của Ủy Ban Nhân Dân huyện Hàm-Tân. ký ngày 28-01-1980

Đính xin BAN CÔNG-AN XÃ xác nhận sự việc trên để tôi
bổ túc hồ sơ.

Trân trọng kính chào và biết ơn.

Ngày 14 tháng 7 năm 1990

Kính đơn,

Le Van Phat
LÊ-VĂN-PHÁT

Đính-kèm:

- Giấy giới thiệu tạm hoãn
học tập cải tạo tập trung
số 731/QĐ/GT của Đoàn 700
Bộ Tư Lệnh QK 7 Q.B.N.D.V.N
ký ngày 23-9-1977.

SAO Y BẢN CHÍNH

TP. MỸ THO, ngày 25 tháng 8 năm 1990
T. CHANH VĂN PHÒNG
T. CHANH VĂN PHÒNG



Quang Thiệu Hoàng

Xác nhận

*Công Lê Văn Phát đã học tập cải tạo và trở về quê,
đang sống ở địa phương. Trang đơn là đúng.
Tân Nghĩa ngày 18.8.1990*



Đáp

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
PHỦ THỦ-TƯỚNG
BỘ TƯ LỆNH CÔNG AN QUỐC GIA

NĂM 1972

THẺ HÀNH-CHÁNH

HỌ VÀ TÊN : LÊ-VAN-PHÁP
(viết chữ in)
CẤP BẬC HIỆN TẠI : Hiệu-Ủy
(ngày tháng cấp) : 15.05.1973
NGÀY VÀ NƠI DANH : 12.05.74 . Thuận
Đông

GIA - CẢNH : Độc-thân
THẺ CĂN CƯỚC : số 01604822
ngày 12.05.6 cấp tại Gia-Định
SỐ ĐIỆN - CƠ : 276632
CHỈ SỐ LƯƠNG : 310

SAIGON ngày 6 tháng 01 năm 74

Đương-sứ : ĐẮT-BẮC, HỌ TÊN LÊ-VỊ-TRƯỜNG
(Ký tên) (Ấn-đá)

CSQG/116

NAM 19...

TÌNH-TRẠNG LƯƠNG BỔNH VÀ PHỤ-CẤP

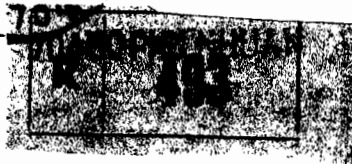
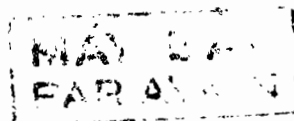
THANG	SỐ TIỀN	CƯỚC CẤP
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		

NAME: LE VAN PHAT

5A/g Học Lạc, Phường 3

TP. Mỹ-Tho, Tiền-Giang

SOUTH VIETNAM



SEP 1 6 1990

TO:

Mrs. KHUC MINH THO

F.O.V.P. ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

TEL: 703-560-0058

U.S.A

